

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2021.

*“V/V tranh chấp: Hôn nhân và gia
đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH PT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Trần Đình Nhiễm**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT: Ông **Phạm Mạnh Linh** -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh
PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/11/2020
về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1989. (Có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lô 13, xã Dray Bông, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1 thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, được bổ sung bằng bản tự khai
ngày 07/12/2020 nguyên đơn là chị Trần Thị Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh H vào năm 2010, việc kết hôn là
hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Eo Bông, huyện Krông Ana,
tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm
2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp
nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay,
không còn quan tâm đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề
nghị ly hôn với anh H

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Trần Văn H1, sinh ngày
19/11/2010, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con
chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị xác nhận không có và không đề nghị giải quyết.

**** Trong biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021 bị đơn là anh Trần Văn H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác định thủ tục kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, anh đã về thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT sinh sống, chị Q sinh sống ở Đắk Lắk. Nay chị Q đề nghị ly hôn, anh không muốn ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/11/2010, hiện nay cháu H1 đang ở với chị Q. Trong trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý để cháu H1 ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết

Anh từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và anh không đến tòa án làm việc do anh bận công việc. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa(có bài phát biểu lưu trong hồ sơ vụ án):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q: Xử cho chị Q được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Q anh H có 01 con chung là cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/11/2010. Giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị Q và anh H do điều kiện bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Q kết hôn với anh H vào năm 2010, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Q và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau và sống ly thân thời gian dài, từ 2015 cho đến nay. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh H. Anh H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống cùng nhau, tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Q anh H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm không còn quan tâm, liên hệ đến nhau. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Chị Q anh H có một con chung là cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/11/2010 hiện đang ở với chị Q. Cháu H1 ở với chị Q từ nhỏ, cháu thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh H xác định trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

Xét thấy, cháu H1 đang sinh sống cùng chị Q, có cuộc sống, học tập ổn định. Để tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu, nên HĐXX thấy cần giao cháu H1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q không yêu cầu.

[3] Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Q, anh H không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Trần Văn H

2. Về con chung: Xử giao cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/11/2010 kể từ tháng 03/2021 cho đến khi cháu H1 thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000681 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Eo Bông, huyện Krông Ana ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú